

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN THÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tân Thái, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng
năm 2023 của UBND xã Tân Thái**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân
sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân
dân xã Tân Thái tại kỳ họp thứ 5 khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026,*

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách xã 9 tháng năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách
xã 9 tháng năm 2023 của UBND xã Tân Thái.

*(Theo các biểu 113,114,115/CKTC-NSNN và thuyết minh kèm theo Quyết
định này)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Tân Thái, Ban tài chính tổ chức
thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Lưu: VT-UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải Hà

THUYẾT MINH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2023

*(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023
của UBND xã Tân Thái)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Tân Thái tại kỳ họp thứ 5 HĐND xã khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026;

UBND xã Tân Thái thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2023 theo các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách xã 9 tháng năm 2023 (đính kèm biểu số 113/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 7.129.220.218 đồng

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 70.335.000 đồng

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 511.052.125 đồng

+ Thu bổ sung: 5.668.221.000 đồng

+ Thu chuyển nguồn: 879.612.093 đồng

- Tổng số chi: 5.601.958.203 đồng

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 1.955.400.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 3.646.558.203 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 0 đồng

2. Ước thực hiện thu ngân sách xã 9 tháng năm 2023 (đính kèm biểu số 114/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn xã 9 tháng năm 2023: 7.129.220.218 đồng/5.528.730.000 đồng đạt 128,95% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã 9 tháng năm 2023 thực hiện là: 581.387.125 đồng/297.000.000 đồng đạt 195,75 % so với dự toán HĐND xã giao.

3. Ước thực hiện chi ngân sách xã 9 tháng năm 2023 (đính kèm biểu số 115/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã 9 tháng năm 2023 là: 5.601.958.203 đồng/5.528.730.000 đồng đạt 101,32% kế hoạch giao.

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 1.955.400.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 3.646.558.203 đồng

4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2023

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã 9 tháng năm 2023 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách 9 tháng năm 2023 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

UBND XÃ TÂN THÁI

Mẫu số 113/CKTC- NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	ĐỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.528.730	7.129.220,218	128,95
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	82.000	70.335	85,77
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	215.000	511.052,125	237,70
3	Thu bổ sung	4.651.022	5.668.221	121,87
	- Thu bổ sung cân đối	4.651.022	3.521.600	75,72
	- Thu bổ sung có mục tiêu		2.146.621	
4	Thu chuyển nguồn	580.708	879.612	
II	TỔNG SỐ CHI	5.528.730	5.601.958,203	101,32
1	Chi đầu tư phát triển	-	1.955.400	
2	Chi thường xuyên	4.791.551	3.646.558,203	76,10
3	Dự phòng	90.000		
4	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	66.471		
5	Chi chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	580.708		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2023

DVT: 1000
đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH 9 THÁNG NĂM 2023		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	5.859.730	5.528.730	8.649.688,587	7.129.220,218	147,61	128,95
I	Các khoản thu 100%	82.000	82.000	70.335	70.335	85,77	85,77
	Phí, lệ phí	27.000	27.000	17.585	17.585	65,13	65,13
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp						
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	55.000	55.000	52.750	52.750		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	546.000	215.000	2.031.520,494	511.052,125	372,07	237,70
1	Các khoản thu phân chia	70.000	70.000	393.643,589	393.643,589	562,35	562,35
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			3.260,763	3.260,763		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh			18.400	18.400		

	doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	70.000	70.000	371.982,826	371.982,826	531,40	531,40
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	476.000	145.000	1.637.877	117.409	344,09	80,97
	Thuế hé khoán cè Ònh	145.000	145.000	122.300,548	117.408,536	84,35	80,97
	Thuế TNCN tở thuế CN bết Òng sñn	260.000	-	1.450.845,251	-		
	Thuế TNCN tở SXKD	71.000	-	64.731,106	-		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	580.708	580.708	879.612	879.612		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.651.022	4.651.022	5.668.221	5.668.221	121,87	121,87
	- Thu bổ sung cân đối	4.651.022	4.651.022	3.521.600	3.521.600	75,72	75,72
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	2.146.621	2.146.621		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2023

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC TH 9 THÁNG NĂM 2023			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	5.528.730	-	5.528.730	5.601.958,203	1.955.400	3.646.558,203	101,32		45,22
1	Chi giáo dục	-			-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	48.276		48.276	38.718		38.718			
4	Chi văn hóa thông tin	31.500		31.500	11.330		11.330	35,97		35,97
5	Chi phát thanh truyền hình	-		-						
6	Chi thể dục thể thao	22.500		22.500	10.064		10.064	44,73		44,73
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-	-					
8	Chi hoạt động kinh tế	31.500		31.500	-					
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.578.566		4.578.566	5.500.945,803	1.955.400	3.545.545,803	120,15		77,44
10	Chi cho công tác xã hội	79.209		79.209	40.900		40.900	51,64		51,64

11	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	66.471		66.471	-					0,00
12	Dự phòng ngân sách	90.000		90.000	-					0,00
13	Nguồn CCTL năm 2022 chuyển sang	580.708		580.708						0,00

